

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN BA TƠ  
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2019/HS-ST

Ngày: 06-6-2019

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TƠ, TỈNH QUẢNG NGÃI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Văn Ngoan

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Đinh Xuân Hậu
2. Bà Phạm Thị Hạnh

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Trương Công Bình- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thùy – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2019/TLST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 04/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 5 năm 2019 đối với bị cáo:

**PHẠM THỊ Đ-** Sinh ngày 12 tháng 04 năm 1995, tại: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nơi cư trú: Thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Nông; Trình độ học vấn: 10/12; Dân tộc: Hre; giới tính: Nữ; Tôn Giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Tiền án, tiền sự: Không; Con ông: Phạm Văn T và bà: Phạm Thị H (V); Chồng: Phạm Văn M và 01 con sinh năm 2015; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú cho đến nay (có mặt).

*\* Người bào chữa cho bị cáo:* Ông Nguyễn Xuân P – Trợ giúp viên pháp lý Thuộc trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Quảng Ngãi (theo quyết định số 44/QĐ-TGPL ngày 22/02/2019 về việc cử Trợ giúp viên pháp lý tham gia tổ tụng của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Ngãi).

Địa chỉ trụ sở làm việc: Đường P, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (có mặt).

*\* Người bị hại:*

1. Bà Phạm Thị N, sinh năm 1960 (có mặt);
2. Ông Phạm Văn T, sinh năm 1956;

Cùng nơi cư trú: Thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi (Ông Phạm Văn T đã ủy quyền lại cho bà Phạm Thị N tham gia tố tụng theo văn bản ủy quyền ngày 20/02/2019).

*\* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị Võ Thy K, sinh năm 1990; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Anh Phạm Văn T, sinh năm 1975; (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi.

*\* Người phiên dịch:* Ông Phạm Văn X- Chuyên viên Trung tâm truyền thông văn hóa thể thao huyện Ba Tư (phiên dịch tiếng Hre) (có mặt).

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào chiều ngày 21/12/2018, Phạm Thị Đ đến nhà cha mẹ chồng là bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn T để thăm con gái ruột là Phạm Thị Thanh T đang sống với vợ chồng bà Phạm Thị N (bà nội). Đến khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, trong lúc bà Phạm Thị N và chồng là Phạm Văn T đang xem tivi tại phòng khách thì Phạm Thị Đ nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của ông T, bà N. Phạm Thị Đ nghi ngờ trong phòng ngủ nhà ngang đã được khóa lại của ông T, bà N có cất tài sản nên Đ nói dối cha, mẹ chồng đi vệ sinh rồi đi ra ngoài bằng cửa bếp. Sau khi ra ngoài, Đ quan sát và thấy tường phía Tây nam của nhà bếp thấp, khe hở giữa hai đuôi mái nhà để củi và nhà bếp có khoảng cách gần nhau nên tìm cách leo lên. Khi trèo lên mái nhà xong thì Đ tiếp tục bước đi theo hướng nhà mái ngói nhà ngang của vợ chồng bà N. Sau đó, Đ dùng tay đỡ khoảng 6 đến 7 viên ngói và chui xuống nhà. Khi xuống được đến phòng, Phạm Thị Đ mở cửa tủ nhôm, mò tay vào ngăn trên thì phát hiện một khăn vải được gói lại, Phạm Thị Đ lấy ra để xuống nền rồi mở xem thì thấy một cọc tiền quán bằng dây su và một túi vải bên trong có vàng. Phạm Thị Đ lấy một ít tiền và một số chiếc nhẫn kim loại màu vàng cất giấu vào trong túi áo. Sau khi lấy tài sản xong, Phạm Thị Đ xếp lại khăn bỏ lại vị trí cũ và đóng cửa tủ lại rồi leo lên tủ thoát ra ngoài bằng

đường cũ. Sau đó, Phạm Thị Đ xếp các viên ngói lại rồi đi xuống vào lại nhà già vờ như mới đi vệ sinh xong rồi ngủ lại nhà bà Phạm Thị N. Đến sáng ngày 22/12/2018, Phạm Thị Đ ngủ dậy kiểm tra lại tài sản lấy trộm được gồm 8.300.000đồng (Tám triệu ba trăm ngàn đồng) tiền Việt Nam đồng, mệnh giá 500.000 đồng; 200.000 đồng; 100.000 đồng (Đ không nhớ số lượng từng mệnh giá) và 05 chiếc nhẫn kim loại màu vàng (Đ không biết mỗi chiếc có đặc điểm thế nào). Sau đó, Phạm Thị Đ đi về hướng từ xã B xuống huyện Đ rồi ghé vào một tiệm vàng (không nhớ tên tiệm, địa chỉ) bán hai chiếc nhẫn kim loại màu vàng được khoảng hơn 10.000.000đồng (Mười triệu đồng). Phạm Thị Đ tiếp tục điều khiển xe mô tô về thị trấn B, huyện B và ghé vào tiệm vàng T bán hai chiếc nhẫn kim loại màu vàng được khoảng 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng). Còn một chiếc nhẫn kim loại màu vàng Đ tiếp tục bán tại tiệm vàng C, ở đối diện chợ Thị trấn B được khoảng hơn 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng). Sau đó, Phạm Thị Đ đi về nhà tại thôn B, xã B, huyện B.

Căn cứ lời khai của bị hại là bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn T trình bày: Tài sản bị mất gồm 8.300.000 đồng tiền Việt nam đồng và 07chỉ vàng, loại vàng 9999, bên trong có khắc chữ “Trọng Yên - 9999” (gồm 02chiếc nhẫn vàng, mỗi chiếc 02 chỉ và 03 chiếc nhẫn vàng, mỗi chiếc 01 chỉ).

Trong quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ không thu thập được vật chứng của vụ án là 05 chiếc nhẫn kim loại màu vàng do Phạm Thị Đ trộm cắp. Tuy nhiên, qua lời khai của bị hại, những người liên quan về đặc điểm của 05 chiếc nhẫn kim loại màu vàng và tổng số tiền Phạm Thị Đ bán được từ 05 chiếc nhẫn kim loại màu vàng là phù hợp với nhau. Như vậy, có cơ sở xác định 05 chiếc nhẫn kim loại màu vàng trên là vàng, trọng lượng là 07 chỉ (gồm 02 chiếc nhẫn vàng, mỗi nhẫn 02 chỉ và 03 nhẫn vàng, mỗi nhẫn 01 chỉ), loại vàng 9999.

Kết quả định giá tài sản số 02/KL-HĐĐGTS, ngày 03/4/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận tổng giá trị của 05 chiếc nhẫn vàng là 25.760.000đồng (Hai mươi lăm triệu bảy trăm sáu mươi ngàn đồng).

Trong quá trình điều tra đã làm rõ mục đích, nguyên nhân dẫn đến hành vi trộm cắp tài sản là do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng đã mất và bản thân một mình nuôi con nhỏ nên muốn có tiền sửa lại nhà nên Đ mới nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của vợ chồng bà Phạm Thị N. Sau khi hành vi phạm tội bị phát hiện, Phạm Thị Đ đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Ba Tơ số tiền 7.000.000đồng (Bảy triệu đồng).

Tại bản cáo trạng số 03/CT-VKS ngày 26-4-2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố Phạm Thị Đ về tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại khoản 01 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Về hình phạt: đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ từ 12 đến 16 tháng tù cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo bồi thường cho người bị hại số tiền 21.720.000 đồng

Ý kiến của người bào chữa cho bị cáo: Đồng ý với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt như cáo trạng đã truy tố, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, 2 Điều 51 và khoản 3 Điều 65 Bộ luật hình sự; đề nghị xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ từ 09 đến 12 tháng tù cho hưởng án treo.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Võ Thy K, anh Phạm Văn T vắng mặt không lý do. Xét thấy chị Võ Thy K, anh Phạm Văn T quá trình điều tra đã có bản khai và không yêu cầu bị cáo bồi thường gì về dân sự, nên không ảnh hưởng đến việc xét xử hành vi của bị cáo. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vắng mặt chị Võ Thy K, anh Phạm Văn T theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Tơ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về những chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định không có tội:

Tại phiên tòa bị cáo Phạm Thị Đ giữ nguyên lời khai tại cơ quan điều tra, không bổ sung gì thêm, bị cáo hoàn toàn nhất trí với hành vi phạm tội như quyết định truy tố của Viện kiểm sát. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại; kết quả khám nghiệm hiện trường; kết luận định giá tài sản, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án, nên HĐXX có đủ cơ sở xác định:

Vào khoảng 19 giờ ngày 21/12/2018, tại nhà bà Phạm Thị N và ông Phạm Văn T ở thôn C, xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi, bị cáo Đ lợi dụng lúc bà Phạm Thị N và chồng là Phạm Văn T đang xem tivi tại phòng khách đã lén lút trèo lên mái nhà, dỡ ngói trên các thanh cây mè để đột nhập vào phòng ngủ của bà N, ông T trộm cắp tài sản gồm 8.300.000 đồng tiền Việt nam đồng và 05 chiếc nhẫn vàng có trọng lượng là 7 chỉ vàng, loại vàng 9999, với tổng giá trị tài sản bị xâm hại là 34.060.000 đồng. Hành vi của bị cáo Đ đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tơ, tỉnh Quảng Ngãi truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội cần chấp nhận.

[4] Xét tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo: Quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật công nhận và bảo vệ. Tại thời điểm phạm tội, bị cáo có đầy đủ năng lực để nhận thức được điều đó nhưng bị cáo đã lợi dụng mối quan hệ thân thuộc trong gia đình để trộm cắp tài sản với mục đích tiêu xài, thỏa mãn nhu cầu cá nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo.

[5] Xét nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng, có nhân thân tốt; không có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Bị cáo đã tự nguyện giao nộp lại một phần tài sản trộm cắp để trả lại cho bị hại (số tiền 7.000.000đ). Tuy hoàn cảnh gia đình khó khăn nhưng bị cáo cũng cố gắng bồi thường cho người bị hại số tiền 4.500.000 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Bị hại xin giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Do bị cáo có nhân thân tốt, nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú ổn định, đồng thời nhận thấy mục đích, nguyên nhân dẫn đến hành vi trộm cắp tài sản là do hoàn cảnh gia đình khó khăn, chồng mất sớm và bản thân một mình bị cáo

nuôi con nhỏ đau ốm thường xuyên, nhà cửa hư hỏng không có tiền sửa lại nhà nên bị cáo mới nảy sinh ý định trộm cắp tài sản của vợ chồng bà Phạm Thị N. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết cách ly ra khỏi xã hội mà áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo cũng đủ tác dụng giáo dục rèn đe đối với bị cáo.

[6] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Bị cáo đang nuôi con nhỏ, không có việc làm nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại Phạm Thị N yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 26.220.000 đồng. Đến nay, bị cáo đã bồi thường được 4.500.000 đồng, còn lại số tiền 21.720.000 đồng buộc bị cáo phải trả lại cho bị hại.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra Công an huyện Ba Tơ đã trả lại cho bị hại số tiền 7.000.000 đồng (Bảy triệu đồng) là đúng pháp luật.

[9] Về án phí: xét bị cáo Phạm Thị Đ là người đồng bào dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế- xã hội đặc biệt khó khăn. Bị cáo có đơn xin miễn tiền án phí nên áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, 15 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để giải quyết miễn tiền án phí cho bị cáo.

[10] Đối với chị Võ Thy K, anh Phạm Văn T, qua điều tra đã xác định hai người này có mua vàng do bị cáo Phạm Thị Đ mang đến bán. Nhưng quá trình mua bán chị Võ Thy K, anh Phạm Văn T không hề hay biết đây là tài sản do Phạm Thị Đ trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan CSĐT Công an huyện Ba Tơ không xem xét trách nhiệm hình sự đối với chị Võ Thy K, anh Phạm Văn T là có cơ sở.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

1. Tuyên bố bị cáo Phạm Thị Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Phạm Thị Đ 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Phạm Thị Đ cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện B, tỉnh Quảng Ngãi giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

“Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo”.

3. Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền đối với bị cáo.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS năm 2015; Điều 584; 585 Bộ Luật dân sự năm 2015: buộc bị cáo Phạm Thị Đ bồi thường cho ông Phạm Văn T, bà Phạm Thị N số tiền 21.720.000đồng (hai mươi một triệu, bảy trăm hai mươi ngàn đồng).

5. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Án phí: Áp dụng Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 14, Điều 15 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm, dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

7. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án ( 06/6/2019) bị cáo và người bị hại có quyền làm đơn kháng cáo bản án . Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại UBND nơi họ cư trú, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi xét xử phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND T. Quảng Ngãi;
- VKSND T. Quảng Ngãi;
- Sở tư pháp T. Quảng Ngãi
- VKSND H.Ba Tơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

- THADS H.Ba Tơ;
- Công an huyện Ba Tơ;
- ( Đội điều tra, Bộ phận NVHS, Cơ quan THAHS);
- Người bị kết án;
- Người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Người bào chữa;
- Lưu : Hồ sơ vụ án.

**Ngô Văn Ngoan**